

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 2 (2025-2026)

Lớp học phần: [23400201] - Bổng chuyên 1 (CCQ2312A)

STT	Thông tin sinh viên							TBTk	Được dự thi	Cuối kỳ	Vắng thi	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Xếp loại	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học									
1	2123140096	Dương Trần Chí Tà	Anh	21/11/2005	Nam	CCQ2314C		7,3	V	7,0		7,10		Đạt	
2	2123200585	Phạm Thị Tổ	Anh	10/03/1999	Nữ	CCQ2320G		5,5	V	5,0		5,20		Đạt	
3	2123140114	Trần Ngọc Tú	Anh	10/08/2005	Nam	CCQ2314C		7,8	V	5,0		6,10		Đạt	
4	2123140092	Trần Như	Bảo	01/09/2005	Nam	CCQ2314C		7,8	V	4,0		5,50		Đạt	
5	2123140091	Nguyễn Văn	Bình	29/03/2005	Nam	CCQ2314C		7,8	V	7,0		7,30		Đạt	
6	2122030005	Dương Công	Chí	17/05/1999	Nam	CCQ2203A		6,8	V	6,0		6,30		Đạt	
7	2122100222	Nguyễn Minh	Đạt	14/12/2004	Nam	CCQ2210G		6,5	V	4,0		5,00		Đạt	
8	2123140104	Nguyễn Trần Tấn	Đạt	27/02/2005	Nam	CCQ2314C		8,5	V	3,0		5,20		Đạt	
9	2123110145	Nguyễn Tấn	Điệp	10/04/2004	Nam	CCQ2311E		7,3	V	5,0		5,90		Đạt	
10	2123140108	Trần Thanh	Điệp	20/02/2005	Nam	CCQ2314C		7,3	V	5,0		5,90		Đạt	
11	2123170203	Nguyễn	Đông	11/07/2005	Nam	CCQ2317F		7,8	V	7,0		7,30		Đạt	
12	2123150043	Huỳnh Quốc	Duy	11/09/2003	Nam	CCQ2315B		6,5	V	4,0		5,00		Đạt	
13	2123140076	Nguyễn Hồ Tấn	Duy	29/01/2004	Nam	CCQ2314C		8,5	V	8,0		8,20		Đạt	
14	2123140058	Phạm Trường	Giang	29/11/2005	Nam	CCQ2314B		7,5	V	4,0		5,40		Đạt	
15	2123110179	Trần Ngọc	Hải	28/03/2005	Nam	CCQ2311E		6,8	V	4,0		5,10		Đạt	
16	2123110161	Nguyễn Vũ	Hiệp	03/03/2005	Nam	CCQ2311E		6,3	V	5,0		5,50		Đạt	
17	2123140044	Trần Hữu	Hiếu	22/04/2005	Nam	CCQ2314B		7,5	V	7,0		7,20		Đạt	
18	2123110465	Nguyễn Tấn	Hiệu	28/10/2005	Nam	CCQ2311E		7,0	V	4,0		5,20		Đạt	
19	2123140101	Văn Khải	Hoàn	02/09/2005	Nam	CCQ2314C		6,8	V	4,0		5,10		Đạt	
20	2123060208	Thái Nhật	Hoàng	09/07/2005	Nam	CCQ2306A		6,5	V	4,0		5,00		Đạt	
21	2123140084	Trần Võ	Hoàng	25/06/2005	Nam	CCQ2314C		6,8	V	5,0		5,70		Đạt	
22	2123140093	Trần Vũ	Hoàng	08/04/2005	Nam	CCQ2314C		8,3	V	3,0		5,10		Đạt	
23	2123110152	Nguyễn Hoàng Phi	Hồng	26/04/2005	Nam	CCQ2311E		7,8	V	7,0		7,30		Đạt	
24	2123300083	Hồ Xuân	Hương	28/03/2005	Nữ	CCQ2330C		7,8	V	8,0		7,90		Đạt	
25	2123110151	Triệu Quốc	Huy	26/01/2005	Nam	CCQ2311E		8,5	V	7,0		7,60		Đạt	
26	2123170094	Võ Chí	Huy	22/05/2005	Nam	CCQ2317C		6,8	V	5,0		5,70		Đạt	
27	2123140089	Võ Đăng	Huy	28/11/2005	Nam	CCQ2314C		7,5	V	4,0		5,40		Đạt	
28	2123140083	Võ Thái	Huy	25/05/2005	Nam	CCQ2314C		8,0	V	4,0		5,60		Đạt	
29	2123140045	Nguyễn Trọng	Khanh	05/11/2005	Nam	CCQ2314B		8,0	V	5,0		6,20		Đạt	
30	2122110362	Bùi Duy	Kiên	10/09/2004	Nam	CCQ2211J		6,0	V	8,0		7,20		Đạt	
31	2123140124	Nguyễn Phạm Tuấ	Kiệt	31/01/2005	Nam	CCQ2314B		8,5	V	6,0		7,00		Đạt	
32	2123260144	Trần Thị Mỹ	Linh	20/10/2004	Nữ	CCQ2326E		8,5	V	6,0		7,00		Đạt	
33	2122100225	Nguyễn Văn	Lợi	09/09/2004	Nam	CCQ2210G		8,5	V	6,0		7,00		Đạt	

34	2123140094	Lê Xuân Tuấn	Lực	17/10/2005	Nam	CCQ2314C		7,8	V	5,0		6,10		Đạt	
35	2123120286	Nguyễn Phạm Ngọc	Luyến	29/08/2005	Nữ	CCQ2312F		7,5	V	9,0		8,40		Đạt	
36	2123300003	Lê Cao Hoàng	Minh	18/03/2005	Nam	CCQ2330A		7,3	V	5,0		5,90		Đạt	
37	2123140107	Nguyễn Hoài	Minh	16/02/2005	Nam	CCQ2314C		6,3	V	5,0		5,50		Đạt	
38	2123110170	Nguyễn Định	Nam	24/05/2005	Nam	CCQ2311E		8,0	V	0,0		3,20		Không đạt	Học lại
39	2123140088	Lê Hữu	Nghĩa	21/11/2005	Nam	CCQ2314C		6,5	V	4,0		5,00		Đạt	
40	2123140102	Nguyễn Hiếu	Nguyên	18/02/2005	Nam	CCQ2314C		6,5	V	5,0		5,60		Đạt	
41	2123140071	Trần Trung	Nguyên	27/02/2005	Nam	CCQ2314B		7,8	V	5,0		6,10		Đạt	
42	2123110177	Biện Văn	Nhân	16/02/2005	Nam	CCQ2311E		6,5	V	6,0		6,20		Đạt	
43	2122120108	Nguyễn Bảo Hạnh	Nhân	03/01/2002	Nữ	CCQ2212D		5,3	V	5,0		5,10		Đạt	
44	2123140054	Bùi Văn	Như	08/09/2004	Nam	CCQ2314B		7,3	V	5,0		5,90		Đạt	
45	2123100013	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	29/11/2004	Nữ	CCQ2310A		6,5	V	7,0		6,80		Đạt	
46	2123210018	Cao Hoàng	Oanh	12/08/2004	Nữ	CCQ2321A		6,5	V	5,0		5,60		Đạt	
47	2123300090	Nguyễn Quốc	Phát	08/06/2005	Nam	CCQ2330C		6,5	V	4,0		5,00		Đạt	
48	2123110353	Nguyễn Nhật	Phong	17/07/2005	Nam	CCQ2311I		6,5	V	6,0		6,20		Đạt	
49	2123140086	Trần Văn	Phong	27/01/2005	Nam	CCQ2314C		8,5	V	7,0		7,60		Đạt	
50	2123110478	Lâu Duy	Phúc	24/06/2005	Nam	CCQ2311L		7,3	V	7,0		7,10		Đạt	
51	2123140106	Lê Huỳnh Đại	Phúc	28/07/2005	Nam	CCQ2314C		6,5	V	4,0		5,00		Đạt	
52	2123140053	Bá Ngọc	Son	30/01/2005	Nam	CCQ2314B		7,3	V	5,0		5,90		Đạt	
53	2122100233	Hồ Thị Thu	Sương	18/10/2002	Nữ	CCQ2210G		8,5	V	5,0		6,40		Đạt	
54	2123110166	Nguyễn Tuấn	Tài	01/07/2005	Nam	CCQ2311E		8,3	V	5,0		6,30		Đạt	
55	2122120132	Cao Thị Hồng	Thắm	03/11/2004	Nữ	CCQ2212D		7,3	V	10,0		8,90		Đạt	
56	2123140098	Nguyễn Phi	Thanh	20/02/2005	Nam	CCQ2314C		9,0	V	5,0		6,60		Đạt	
57	2123110300	Phan Văn	Thành	02/05/2005	Nam	CCQ2311I		6,5	V	4,0		5,00		Đạt	
58	2123140100	Trần Văn Phước	Thành	04/11/2005	Nam	CCQ2314C		9,0	V	9,0		9,00		Đạt	
59	2123210023	Nguyễn Thị Kim	Thảo	13/09/2005	Nữ	CCQ2321A		6,8	V	4,0		5,10		Đạt	
60	2123110320	Văn	Thi	15/01/2005	Nam	CCQ2311I		9,8	V	8,0		8,70		Đạt	
61	2123110028	Phạm Nguyễn Hoà	Thiện	07/06/2005	Nam	CCQ2311A		8,0	V	6,0		6,80		Đạt	
62	2123110173	Phan Thanh Đức	Tín	13/02/2005	Nam	CCQ2311E		7,5	V	6,0		6,60		Đạt	
63	2123140047	Lư Minh	Trí	27/03/2005	Nam	CCQ2314B		7,0	V	9,0		8,20		Đạt	
64	2123300094	Trương Công Minh	Triết	27/09/2005	Nam	CCQ2330C		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại
65	2123170098	Phan Hữu	Trọng	17/04/2005	Nam	CCQ2317C		7,3	V	6,0		6,50		Đạt	
66	2123140117	Phan Thành	Trung	05/09/2005	Nam	CCQ2314C		7,8	V	8,0		7,90		Đạt	
67	2123110167	Nguyễn Trúc	Trường	23/08/2005	Nam	CCQ2311E		7,8	V	5,0		6,10		Đạt	
68	2122100266	Nguyễn Lê Anh	Tú	28/10/2004	Nữ	CCQ2210H		7,0	V	4,0		5,20		Đạt	
69	2123190080	Nguyễn Minh	Tú	08/06/2004	Nam	CCQ2319C		6,0	V	5,0		5,40		Đạt	
70	2123140099	Doãn Ngọc	Tuấn	10/11/2005	Nam	CCQ2314C		8,0	V	5,0		6,20		Đạt	
71	2123140082	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	28/07/2005	Nam	CCQ2314C		8,0	V	4,0		5,60		Đạt	
72	2123120392	Trần Anh	Văn	02/09/2005	Nam	CCQ2312G		0,0	V	0,0	V	0,00		Không đạt	Học lại
73	2123110288	Nguyễn Anh	Việt	17/10/2005	Nam	CCQ2311I		7,5	V	4,0		5,40		Đạt	

74	2123140075	Cai Văn	Vinh	29/07/2005	Nam	CCQ2314C		8,0	V	4,0		5,60		Đạt	
75	2123140103	Đặng Thảo	Vy	14/12/2005	Nữ	CCQ2314C		7,3	V	5,0		5,90		Đạt	
76	2123210042	Trần Tường	Vy	03/11/2004	Nữ	CCQ2321B		5,5	V	5,0		5,20		Đạt	

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Nguyễn Thành Quân